

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024
(ÁP DỤNG CHO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	71ACCT30042	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	233-71ACCT30042-01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	25%	Câu 6,7,8,9,10	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO2	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể.	Trắc Nghiệm	10%	Câu 11,12,13,14,15	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
CLO3	Lập được báo cáo kết quả kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách phục vụ ra	Trắc Nghiệm	20%	Câu 16,17,18,19,20	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.1
		Tự luận	40%	Câu 21	3 điểm	PI3.1

	quyết định quản trị một cách độc lập.					
CLO5	Thích ứng với định hướng học tập suốt đời	Trắc Nghiệm	5%	Câu 1,2,3,4,5	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI9.1

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Nhận định nào sau đây là đúng khi mô tả khái niệm Kế toán quản trị?

- A. Kế toán quản trị cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị.
- B. Kế toán quản trị cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước.
- C. Kế toán quản trị cung cấp thông tin phi kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị.
- D. Kế toán quản trị cung cấp tất cả các thông tin theo yêu cầu quản trị.

ANSWER: A

Kế toán quản trị thực hiện chức năng nào sau đây?

- A. Ra quyết định
- B. Lập dự toán
- C. Kiểm soát nguồn lực
- D. Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính

ANSWER: A

Kế toán quản trị và kế toán tài chính giống nhau về:

- A. Dữ liệu đầu vào
- B. Mục đích của báo cáo
- C. Đối tượng sử dụng báo cáo
- D. Tính pháp lý của thông tin kinh tế, tài chính trình bày trong báo cáo

ANSWER: A

Quá trình chuyển giao một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và giao phó quyền hành để họ thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình được gọi là:

- A. Sự phân quyền
- B. Sự ủy quyền
- C. Tổ chức công việc
- D. Bổ nhiệm

ANSWER: A

Theo hướng dẫn của Viện Kế toán quản trị (IMA) về hành vi đạo đức thì biểu hiện nào sau đây thể hiện Sự tín nhiệm?

- A. Truyền đạt thông tin một cách rõ ràng và khách quan.
- B. Tránh các hành động có thể làm mất uy tín nghề nghiệp
- C. Không đưa thông tin mật ra bên ngoài
- D. Tuân thủ các luật lệ, quy định và chuẩn mực

ANSWER: A

Chi phí sản xuất được phân loại thành chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Cách phân loại này là dựa trên cơ sở nào?

- A. Phân loại theo chức năng chi phí
- B. Phân loại theo cách ứng xử của chi phí
- C. Phân loại theo báo cáo tài chính
- D. Phân loại theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

ANSWER: A

Trong một doanh nghiệp, chi phí nhân công trực tiếp có quan hệ tỷ lệ thuận trực tiếp với sản lượng sản phẩm sản xuất. Căn cứ vào cách phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí thì chi phí nguyên vật liệu được phân thành:

- A. Biến phí
- B. Định phí
- C. Chi phí hỗn hợp
- D. Chi phí sản xuất

ANSWER: A

Để phân tích các thành phần chi phí biến đổi và chi phí cố định trong chi phí hỗn hợp nhà quản trị có thể sử dụng phương pháp nào sau đây?

- A. Cực đại-Cực tiểu; Bình phương bé nhất và Đồ thị phân tán
- B. Chỉ sử dụng phương pháp cực đại – cực tiểu
- C. Chỉ sử dụng phương pháp Bình phương bé nhất
- D. Chỉ sử dụng phương pháp Đồ thị phân tán

ANSWER: A

Trong một doanh nghiệp có chính sách trả lương cho bộ phận kinh doanh gồm hai phần: Phần thứ nhất là lương cơ bản cố định hàng tháng trị giá 6.000.000đ và phần thứ hai là hoa hồng bán hàng dựa vào số lượng sản phẩm bán (x) với đơn giá 4.000đ/sp. Phương trình phản ánh chi phí tiền lương bộ phận kinh doanh có dạng là:

- A. $y = 4.000x + 6.000.000$
- B. $y = 4.000x$
- C. $y = 6.000.000$
- D. $y = 6.000.000x + 4.000$

ANSWER: A

Chi phí tiền điện mỗi tháng tại doanh nghiệp X được mô tả theo hàm số $y = 800x + 2.700.000$ với x là số giờ máy hoạt động trong tháng. Hãy xác định tổng chi phí bảo trì phát sinh trong tháng tại mức hoạt động 3.000 giờ máy?

- A. 5.100.000đ
- B. 2.700.000đ
- C. 2.400.000đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Số dư đảm phí là giá trị còn lại của doanh thu sau khi trừ biến phí. Bên cạnh đó, số dư đảm phí còn được xác định bởi công thức ...

- A. Số dư đảm phí = Lợi nhuận + Định phí
- B. Số dư đảm phí = Lợi nhuận – Định phí
- C. Số dư đảm phí = Doanh thu/Tỷ lệ số dư đảm phí
- D. Số dư đảm phí = Số dư đảm phí đơn vị/Giá bán

ANSWER: A

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 50.000đ/sp, số dư đảm phí đơn là 20.000đ/sp và định phí hàng tháng là 200.000.000đ. Như vậy sản lượng hòa vốn cần đạt được trong tháng là:

- A. 10.000 sản phẩm
- B. 4.000 sản phẩm
- C. 6.667 sản phẩm
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 50.000đ/sp, số dư đảm phí đơn là 20.000đ/sp và định phí hàng tháng là 200.000.000đ. Như vậy doanh thu hòa vốn cần đạt được trong tháng là:

- A. 500.000.000đ
- B. 200.000.000đ
- C. 333.350.000đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 80.000đ/sp, biến phí đơn vị là 60.000đ/sp và định phí hàng tháng là 300.000.000đ. Nếu công ty tiêu thụ tại mức sản lượng 20.000sp thì điểm an toàn của công ty là:

- A. Sản lượng an toàn: 5.000sp; doanh thu an toàn: 400.000.000đ
- B. Sản lượng an toàn: 12.500sp; doanh thu an toàn: 1.000.000.000đ
- C. Sản lượng an toàn: 20.000sp; doanh thu an toàn: 1.600.000.000đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 60.000đ/sp, biến phí đơn vị là 40.000đ/sp và định phí hàng tháng là 600.000.000đ. Công ty dự định tháng sau sẽ tăng giá bán của mặt hàng A 15%. Như vậy, điểm hòa vốn mới trong trường hợp này sẽ thay đổi như thế nào trên đồ thị nếu các yếu tố khác không đổi.

- A. Dịch xuống dưới, sang bên trái
- B. Dịch lên trên, sang bên trái
- C. Dịch lên trên, sang bên phải
- D. Dịch xuống dưới, sang bên phải

ANSWER: A

Dự toán được các nhà quản trị sử dụng không nhằm mục đích:

- A. Phân quyền cho các cá nhân liên quan
- B. Phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả hơn

- C. Lập kế hoạch
- D. Đánh giá kết quả và khen thưởng

ANSWER: A

Trong một doanh nghiệp dự toán nào thường là dự toán được lập đầu tiên?

- A. Dự toán sản lượng và doanh thu tiêu thụ.
- B. Dự toán thu, chi tiền
- C. Dự toán sản lượng sản xuất
- D. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

ANSWER: A

Kế hoạch tiêu thụ của một công ty như sau

Tháng 7: 50.000 sản phẩm

Tháng 8: 60.000 sản phẩm

Tháng 9: 80.000 sản phẩm

Biết rằng công ty có chính sách thu tiền đối với hoạt động bán hàng là thu ngay 70% trong tháng và thu 30% còn lại trong tháng kế tiếp. Giả sử giá bán là 30.000đ/sp, hãy xác định số tiền thu bán hàng thu được trong tháng 8?

- A. 1.710.000.000đ
- B. 1.260.000.000đ
- C. 1.800.000.000đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Kế hoạch tiêu thụ của một công ty như sau

Tháng 7: 50.000 sản phẩm

Tháng 8: 60.000 sản phẩm

Tháng 9: 80.000 sản phẩm

Biết rằng nhu cầu tồn mỗi cuối tháng bằng 15% số lượng sản phẩm dự kiến tiêu thụ trong tháng. Số lượng sản phẩm tồn đầu tháng 9 là:

- A. 9.000 sản phẩm
- B. 12.000 sản phẩm
- C. 7.500 sản phẩm
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

Kế hoạch tiêu thụ của một công ty như sau

Tháng 7: 50.000 sản phẩm

Tháng 8: 60.000 sản phẩm

Tháng 9: 80.000 sản phẩm

Biết rằng công ty có chính sách thu tiền đối với hoạt động bán hàng là thu ngay 70% trong tháng và thu 30% còn lại trong tháng kế tiếp. Giả sử giá bán là 30.000đ/sp, hãy xác định số tiền còn phải thu tính đến ngày 30/09.

- A. 720.000.000đ
- B. 1.680.000.000đ
- C. 0đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Trích số liệu về dự toán sản lượng tiêu thụ dự kiến của các tháng trong năm 20x như sau: ĐVT: sản phẩm

Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
65.000	70.000	75.000	85.000	90.000

Biết rằng:

- Giá bán là 60.000đ/sp và ổn định trong năm.
- Công ty thực hiện chính sách thanh toán đối với khách hàng gồm: thu ngay trong tháng là 50%, thu sau 1 tháng là 40%, thu sau 2 tháng 10%.

Yêu cầu:

- Lập dự toán thu tiền bán hàng dự kiến cho các tháng trong Quý 4 và Quý 4. (1,5 điểm)
- Xác định số tiền còn phải thu khách hàng vào thời điểm 31/12/20x. (1,5 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																								
I. Trắc nghiệm		7.0																									
Câu 1 – 20		0.35/câu																									
II. Tự luận		3.0																									
Câu 21: Nội dung 1	1. Lịch thu tiền: 2,0 điểm	1.5																									
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Tháng 10 (0,5đ)</th> <th>Tháng 11 (0,5đ)</th> <th>Tháng 12 (0,5đ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Thu tiền bán hàng kỳ trước</td> <td>2.070.000</td> <td>420.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Thu tiền bán hàng tháng 10</td> <td>2.250.000</td> <td>1.800.000</td> <td>450.000</td> </tr> <tr> <td>3. Thu tiền bán hàng tháng 11</td> <td></td> <td>2.550.000</td> <td>2.040.000</td> </tr> <tr> <td>4. Thu tiền bán hàng tháng 12</td> <td></td> <td></td> <td>2.700.000</td> </tr> <tr> <td>Cộng</td> <td>4.320.000</td> <td>4.770.000</td> <td>5.190.000</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Tháng 10 (0,5đ)	Tháng 11 (0,5đ)	Tháng 12 (0,5đ)	1. Thu tiền bán hàng kỳ trước	2.070.000	420.000		2. Thu tiền bán hàng tháng 10	2.250.000	1.800.000	450.000	3. Thu tiền bán hàng tháng 11		2.550.000	2.040.000	4. Thu tiền bán hàng tháng 12			2.700.000	Cộng	4.320.000	4.770.000	5.190.000		
Chỉ tiêu	Tháng 10 (0,5đ)	Tháng 11 (0,5đ)	Tháng 12 (0,5đ)																								
1. Thu tiền bán hàng kỳ trước	2.070.000	420.000																									
2. Thu tiền bán hàng tháng 10	2.250.000	1.800.000	450.000																								
3. Thu tiền bán hàng tháng 11		2.550.000	2.040.000																								
4. Thu tiền bán hàng tháng 12			2.700.000																								
Cộng	4.320.000	4.770.000	5.190.000																								
Nội dung 2	2. Số tiền còn phải thu vào ngày 31/12/20x: 3.210.000: 1,5 điểm	1.5																									
	Điểm tổng	10.0																									

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS.Lê Phan Thanh Hòa

TS. Hoàng Thị Hạnh

